

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 311/2023/DS-PT
Ngày: 26/5/2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.*

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm;

Bà Nguyễn Thanh Nhân;

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Nhã, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 117/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2023/QĐ-PT ngày 26/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Mộng N** (tên thường gọi là **M**), sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Có đại diện theo ủy quyền: Anh **Lữ Văn T**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2022).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 10/10/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Mộng N và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Lữ Văn T trình bày:*

Do bà N và bà H có quan hệ quen biết, bà N cho bà H vay tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền là 225.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24K₉. Cụ thể:

- Không nhớ rõ thời gian cụ thể, bà N cho bà H mượn tổng cộng số tiền là

110.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24Kr. Đến ngày 19/8/2020, bà N cho bà H vay thêm 30.000.000đồng.

- Đến ngày 12/10/2020 dương lịch, bà N cho bà H vay thêm số tiền 40.000.000đồng.

- Ngày 18/11/2020, bà N cho bà H vay số tiền 15.000.000đồng.

Các lần vay trên, bà H có làm 03 biên nhận cho bà N, biên nhận ngày 19/8/2020, ngày 12/10/2020 và ngày 18/11/2020.

- Ngày 03/02/2021, bà N tiếp tục cho bà H vay số tiền 30.000.000đồng. Số tiền này, đôi bên không có làm biên nhận.

Khi đòi nhiều lần bà H không trả, bà N có làm đơn gửi đến UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhờ giải quyết. Tại phiên hòa giải ngày 02/12/2021, đôi bên có bàn bạc cách thức giải quyết khoản nợ tiền 225.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24Kr, bằng cách bà H bán cho bà N phần đất có diện tích khoảng 500m² với giá 450.000.000đồng; tuy nhiên bà H đồng ý bán, còn gia đình bà thì không đồng ý ký tên bán. Do đó, không thể thực hiện theo hình thức cầm trả đất với số tiền, vàng mà bà H nợ bà N. Đến nay, bà H vẫn còn nợ bà N số tiền, vàng nói trên. Do đó, bà N yêu cầu bà H trả cho bà N 225.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24Kr ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong bản tự khai ngày 11/11/2022 và trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn Nguyễn Thanh H trình bày:*

Bà H thừa nhận có vay bà N tổng số tiền 225.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24Kr như bà N trình bày, hiện tại vẫn chưa trả cho bà N. Tuy nhiên, vay có lãi, bà đóng cho bà N 8%/ tháng, bắt đầu đóng từ đầu năm 2020 đến tháng 6/2020.

Nay do lớn tuổi, hiện tại kinh tế bà đang khó khăn, nên bà xin trả dần nợ tiền và vàng cho bà N hàng tháng số tiền 2.000.000đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết số nợ 225.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24Kr.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang áp dụng Khoản 3 Điều 26, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 463 và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 và điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Mộng N. Buộc bà Nguyễn Thanh H trả cho bà Trần Thị Mộng N số tiền **225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và 05 (năm) chỉ vàng 24Kr** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chậm thi hành số tiền nói trên cho bà N, thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H được miễn toàn bộ án phí.

- Hoàn lại cho bà N **6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng** tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021064 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H thay đổi yêu cầu kháng cáo, bà đồng ý trả cho bà N số tiền 225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và 05 (năm) chỉ vàng 24K_r nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ vì bà đã lớn tuổi không lao động tạo được thu nhập, chỉ dựa vào việc các con chăm sóc.

Đại diện nguyên đơn, ông Lữ Văn T đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thanh H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng N yêu cầu bà Nguyễn Thanh H **số tiền 225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và 05 (năm) chỉ vàng 24K_r**. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 27/02/2023, Tòa án huyện C ban hành bản án số 33/2022/DS-ST đến ngày 13/03/2023, bị đơn bà Nguyễn Thanh H nộp đơn kháng cáo cùng biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, kháng cáo của

bà H còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét việc bị đơn bà Nguyễn Thanh H thay đổi nội dung kháng cáo từ việc kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 33/2023/DS-ST ngày 27/02/2023 sang kháng cáo một phần bản án với nội dung xin trả dần là không vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về nội dung kháng cáo: Bà Nguyễn Thanh H, đồng ý trả cho bà Trần Thị Mộng N số tiền 225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và 05 (năm) chỉ vàng 24K_r nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ với lý do cao tuổi không có lao động tạo thu nhập sống nhờ vào con cái chăm sóc. Xét yêu cầu của bà H đưa ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N và không được bà N đồng ý nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh H không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xét bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng áp dụng Khoản 3 Điều 26, Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 105, Điều 463 và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 và điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thanh H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 27/02/2023, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Mộng N. Buộc bà Nguyễn Thanh H trả cho bà Trần Thị Mộng N số tiền **225.000.000 (hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng và 05 (năm) chỉ vàng 24K_r** ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chậm thi hành số tiền nói trên cho bà N, thì bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà H được miễn toàn bộ án phí.

2.2 Hoàn lại cho bà N 6.250.000 (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021064 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh H được miễn án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện Châu Thành;
 - Chi cục THADS huyện Châu Thành;
 - Các đương sự;
 - Công bố bản án CTTĐT;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2023-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính